

Số: /BC-SKH

Lào Cai, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động của Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai năm 2021

Thực hiện Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh về Quy chế cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng TTĐT tỉnh Lào Cai. Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của Cổng Thông tin điện tử năm 2021 (số liệu tính từ ngày 10/12/2020 đến ngày 30/11/2021) như sau:

I. Kết quả thực hiện

- Kết quả cập nhật tin, bài, dữ liệu:**
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện cập nhật: 658 tin, bài viết lên Cổng thông tin điện tử của Sở.
 - Số lượng cơ sở dữ liệu đăng tải: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đăng tải số lượng cơ sở dữ liệu lên Cổng thông tin điện tử tương đương với 568 trang A4.
 - Mở thêm chuyên mục, kênh thông tin mới: Không
- Chuyên mục Hỏi – Đáp:** Nhận được 05 câu hỏi chuyên mục Hỏi – Đáp do người dân, doanh nghiệp gửi đến Cổng thông tin điện tử của Sở, đã trả lời 04.
- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến:**
 - Tổng số thủ tục hành chính: 111 TTHC
 - Tổng số dịch vụ công trực tuyến: 111 DVC, trong đó:
 - + Mức 1: 111 + Mức 2: 111 + Mức 3: 80 + Mức 4: 80
 - Tổng số dịch vụ công trực tuyến được cung cấp mức độ 3, mức độ 4: 80 dịch vụ (*có bảng danh mục dịch vụ kèm theo*).
 - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được cung cấp mức độ 3, mức độ 4/tổng số TTHC của đơn vị: 72,1 %.
 - Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 68 TTHC.
 - Tổng số hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tuyến/tổng số hồ sơ tiếp nhận, xử lý trực tiếp tại bộ phận một cửa: 2.568/2.647 hồ sơ (trong đó 399 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử).
 - Số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích: 507 hồ sơ.
- Đánh giá kết quả cung cấp thông tin của cổng TTĐT cơ quan, đơn vị:**

Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá mức độ cung cấp thông tin của các cổng TTĐT thành viên ban hành kèm theo Quyết định số 4526/QĐ-UBND ngày

14/12/2020 của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai tự đánh giá kết quả cung cấp thông tin của cổng TTĐT như sau:

STT	Đối với Cổng TTĐT thành viên các sở, ban, ngành	Điểm tối đa	Đơn vị tự chấm	Ghi chú
I	Đánh giá khả năng cung cấp thông tin	50	50	
1.1	Thông tin Giới thiệu: Sơ đồ, Cơ cấu tổ chức, Chức năng – nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc; Quá trình phát triển; Thành tựu nổi bật; Tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ lãnh đạo cơ quan; Địa chỉ, số điện thoại liên hệ cơ quan.	5	5	
1.2	Tin tức - Sự kiện: Các tin, bài, ảnh hoạt động, các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của cơ quan... (cập nhật 05 ngày làm việc sau khi diễn ra tin tức sự kiện).	5	5	
1.3	Văn bản chỉ đạo điều hành: Ý kiến chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan đã được thống nhất và ban hành bằng văn bản; ý kiến xử lý, phản hồi đối với các kiến nghị, yêu cầu của tổ chức, cá nhân; thông tin khen thưởng, xử phạt đối với tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan... (cập nhật chậm nhất 05 ngày sau khi văn bản được ban hành).	10	10	
1.4	Báo cáo phát triển ngành: Cập nhật đầy đủ các báo cáo phát triển ngành theo từng tháng, quý, năm. (cập nhật chậm nhất 05 ngày sau khi văn bản được ban hành)	5	5	
1.5	Thông tin tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách và pháp luật đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan (cập nhật chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi văn bản thông thường được ban hành và chậm nhất trước 1 ngày sau khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành).	5	5	
1.6	Thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tại địa phương; kết quả thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực... (cập nhật chậm nhất 8 ngày sau khi văn bản được ban hành).	10	10	
1.7	Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công gồm: Danh sách các dự án đang chuẩn bị đầu tư, dự án đang triển khai, dự án đã hoàn tất (cập nhật chậm nhất 8 ngày sau khi văn	10	10	

	bản được ban hành).			
II	Đánh giá thực hiện Hỏi - Đáp, Dịch vụ công trực tuyến	40	40	
1	Chuyên mục Hỏi - Đáp	15	15	
	Trả lời đầy đủ các câu hỏi (đúng thời gian, đảm bảo chất lượng, đúng chức danh người trả lời)	15	0	
1.1	Trả lời câu hỏi đúng thời gian	5	X	
1.2	Trả lời câu hỏi đảm bảo chất lượng	5	X	
1.3	Trả lời câu hỏi đúng chức danh	5	X	
1.4	Trường hợp các đơn vị không nhận được câu hỏi	15	15	
2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến	25	25	
2.1	Cập nhật đầy đủ, bổ sung kịp thời các bộ thủ tục hành chính công (mức 1, mức 2, mức 3 và mức 4) khi có sự thay đổi hoặc chỉnh sửa	5	5	
2.2	Giải quyết đúng thời hạn trên 90% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	20	20	
2.3	Giải quyết đúng thời hạn từ 75 – 89% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	15	X	
2.4	Giải quyết đúng thời hạn từ 60 – 75% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	12	X	
2.5	Giải quyết đúng thời hạn từ 50 – 60% bộ hồ sơ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	8	X	
2.6	Giải quyết dưới 50% bộ thủ tục hành chính mức 2, mức 3, mức 4 do công dân gửi đến	5	X	
2.7	Trường hợp không nhận được hồ sơ thủ tục hành chính của công dân hoặc đơn vị không có dịch vụ công trực tuyến	25	X	
2.8	Trường hợp đơn vị đã triển khai nhưng không thực hiện	-20	X	

III	Điểm khuyến khích	10	10	
1	Đảm bảo font chữ theo quy định (Font:Arial; size: 13)	2	2	
2	Có ảnh minh họa, trình bày đẹp	3	3	
3	Công thành viên thực hiện tốt nhất chuyên mục Hỏi – Đáp	2	2	
4	Công thành viên thực hiện trả lời nhiều câu hỏi nhất chuyên mục Hỏi - Đáp	1	1	
5	Công thành viên thực hiện tốt nhất dịch vụ công trực tuyến	2	2	
	Tổng cộng:	100	100	

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2021 của Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- BBT Cổng TTĐT tỉnh (UBND tỉnh);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phan Trung Bá

DANH MỤC
DỊCH VỤ CÔNG MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4 CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKH ngày /12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên thủ tục hành chính	Dịch vụ công mức độ 3	Dịch vụ công mức độ 4
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP		
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp		X
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp		X
3	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân		X
4	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên		X
5	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên		X
6	Đăng ký thành lập công ty cổ phần		X
7	Đăng ký thành lập công ty hợp danh		X
8	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
9	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
10	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh		X
11	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		X
12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
13	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X
15	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết		X
16	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
17	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân		X
18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết		X
19	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		X
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)		X
21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X

22	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		X
23	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương		X
24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		X
25	Thông báo lập địa điểm kinh doanh		X
26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		X
27	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính		X
28	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền		X
29	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty		X
30	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty		X

31	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		X
32	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)		X
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)		X
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại		X
35	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần		X
36	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		X
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên		X
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác		X
39	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế		X
40	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp		X
41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)		X
42	Giải thể doanh nghiệp		X
43	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		X
44	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh		X
45	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp		X
46	Chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường		X
47	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội		X
48	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)		X
49	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp		X
50	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh		X

51	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán		X
	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ		
52	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		X
53	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã		X
54	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã		X
55	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		X
56	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã		X
57	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia		X
58	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)		X
59	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã		X
60	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập		X
61	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách		X
62	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		X
63	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã		X
64	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã		X
65	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã		X
66	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất		X
	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM		
67	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X
68	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X
69	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X
70	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		X
71	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		X
72	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		X
	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA		

	Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo		
73	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)		X
74	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)		X
75	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)		X
76	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)		X
77	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)		X
	Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn		
78	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn (cấp tỉnh)		X
79	Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên		X
80	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp (cấp tỉnh)		X